

THÔNG BÁO

**Về việc nộp hồ sơ xét miễn, giảm học phí và Hỗ trợ chi phí học tập
đối với sinh viên chính qui đang học tại trường
Học kỳ I, năm học 2021 - 2022**

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

Nhà trường hướng dẫn thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I, năm học 2021 - 2022 đối với sinh viên đang học tập tại trường như sau:

I. MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

1. Đối tượng được miễn học phí

1.1. Sinh viên là thân nhân (vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi) của người có công với cách mạng (liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học...) theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

1.2. Sinh viên khuyết tật.

1.3. Sinh viên (tuổi từ 16 đến 22) học đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, cụ thể:

- a) Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- b) Mồ côi cả cha và mẹ;
- c) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;
- d) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;
- đ) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- e) Cả cha và mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;
- g) Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;

h) Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

i) Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;

k) Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

l) Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

1.4. Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

1.5. Sinh viên người **dân tộc thiểu số** có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) **thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo** theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

1.6. Sinh viên **người dân tộc thiểu số rất ít người** (*Cống, Mảng, Pu Páo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ*) quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối tượng được giảm học phí

2.1. *Các đối tượng được giảm 70% học phí:* Sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2.2. *Các đối tượng được giảm 50% học phí:* Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

2.3. *Đối tượng được giảm 30% học phí:* Sinh viên có hộ khẩu thường trú tại Quảng Ninh và có 3 năm học THPT tại Quảng Ninh (Từ khóa 59 trở về trước).

3. Cơ chế xét miễn, giảm học phí

- Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí thuộc đối tượng 1.1, 1.2, 1.3 và 1.4 chỉ phải nộp 01 bộ hồ sơ cho cả thời gian học tập. Sinh viên đã nộp hồ sơ tại các năm học trước không phải nộp hồ sơ.

- **Sinh viên thuộc đối tượng 1.5 và 1.6, dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thì từng học kỳ phải**

nộp bổ sung 01 bộ hồ sơ đầy đủ để xét miễn, giảm học phí cho học kỳ đó. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, vùng đặc biệt khó khăn do cơ quan có thẩm quyền cấp phải còn thời hạn tại thời điểm xét.

- Trường hợp trong quá trình học tập, sinh viên thuộc đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí **không nộp đơn** đề nghị **kèm theo đầy đủ các giấy tờ cần thiết theo quy định và thời hạn** thì chỉ được miễn, giảm học phí tính từ ngày cơ sở giáo dục đại học nhận được đầy đủ hồ sơ xét, công nhận và **không được giải quyết truy lĩnh tiền miễn, giảm học phí** đối với thời gian đã học từ trước thời điểm sinh viên gửi hồ sơ đề nghị kèm theo các giấy tờ cần thiết có liên quan.

- Sinh viên tốt nghiệp muộn khóa 55, khóa 56 (*không vi phạm quy chế đào tạo*) thuộc đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí phải nộp lại **01 bộ hồ sơ đầy đủ để xét** (*Ghi rõ lý do tốt nghiệp muộn trong Đơn xin xét miễn, giảm học phí*).

- Thời gian sinh viên bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung thì sẽ không được cấp bù tiền miễn, giảm học phí.

4. Hồ sơ xét miễn, giảm học phí

Hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm học phí bao gồm các giấy tờ (*bản sao công chứng*) sau:

- Đơn đề nghị xét miễn, giảm học phí (*theo mẫu đính kèm*);
- Các minh chứng thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí (*do cơ quan có thẩm quyền cấp trong thời hạn xét; Giấy chứng nhận hộ nghèo, vùng đặc biệt khó khăn cấp cho năm 2021*).
- Giấy khai sinh;
- Hộ khẩu (đối với đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, vùng đặc biệt khó khăn);
- Các giấy tờ khác có liên quan.

II. HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

1. Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ

- Sinh viên là **người dân tộc thiểu số** thuộc **hộ nghèo** và **hộ cận nghèo** (tính tại thời điểm xét).

- **Không áp dụng đối với sinh viên:** Cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học đại học, cao đẳng sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học.

2. Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ chi phí học tập **bằng 60% mức lương cơ sở** và được hưởng **không quá 10 tháng/năm học/sinh viên**; số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian đào tạo chính thức.

3. Quy định về dừng cấp kinh phí hỗ trợ chi phí học tập

Sinh viên bị dừng cấp kinh phí hỗ trợ học tập khi vi phạm một trong những điều sau:

a) Sinh viên bỏ học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học thì không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập kể từ thời điểm Quyết định kỷ luật có hiệu lực. Trường hợp sinh viên

đã nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập mà bỏ học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học thì cơ sở giáo dục đại học công lập dừng thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ chi phí học tập vào kỳ học tiếp theo.

b) Sinh viên bị đình chỉ học tập (có thời hạn) thì không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập trong thời gian bị đình chỉ, trừ trường hợp dừng học do ốm đau, tai nạn, học lại, lưu ban hoặc dừng học vì lý do khách quan được nhà trường xác nhận. Trường hợp sinh viên đã nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập mà bị đình chỉ học tập thì cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện khấu trừ số tiền tương ứng với số tháng bị đình chỉ học tập vào kỳ học tiếp theo sau khi sinh viên nhập học lại.

4. Cơ chế xét

a) Sinh viên thuộc diện hỗ trợ chi phí học tập phải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị xét hỗ trợ chi phí học tập theo từng học kỳ.

Trong quá trình học, nếu gia đình sinh viên thuộc diện **đã thoát nghèo** thì sinh viên **có trách nhiệm nộp văn bản chứng nhận hộ đã thoát nghèo để dừng việc** chi trả chi phí học tập cho kỳ tiếp theo.

b) Trường hợp trong quá trình học tập, sinh viên thuộc đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập nhưng đầu mỗi học kỳ **không nộp Hồ sơ xét hỗ trợ chi phí học tập** đúng quy định và thời hạn theo thông báo của Nhà trường sẽ không được nhận hỗ trợ chi phí học tập của học kỳ đó và **không được giải quyết truy lĩnh tiền hỗ trợ chi phí học tập** đối với thời gian đã xét.

5. Hồ sơ đề nghị xin hỗ trợ chi phí học tập

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí học tập bao gồm các giấy tờ (*bản sao công chứng*) sau:

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (*theo mẫu đính kèm*);
- Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND xã, phường, thị trấn (*Chứng nhận cho năm 2021*);
- Giấy khai sinh;
- Hộ khẩu;
- Các giấy tờ có liên quan

III. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM NHẬN HỒ SƠ

Thời gian: Hạn nộp đến ngày **27/10/2021**.

Địa điểm: Sinh viên nộp hồ sơ qua đường bưu điện theo địa chỉ: Thầy Mạc Tiến Dũng, Trường Đại học Ngoại thương - Cơ sở Quảng Ninh. Số 260, Đường Bạch Đằng, Phường Nam Khê, Uông Bí, Quảng Ninh

LƯU Ý: Sinh viên phải chú ý xem danh sách và các thông tin tại Website: <http://esquangninh.ftu.edu.vn> của Cơ sở Quảng Ninh để tránh sai sót. **Thời hạn xem xét, thắc mắc trong vòng 5 ngày kể từ ngày đưa thông tin lên website. Sau khi Nhà trường ban hành quyết định, mọi thắc mắc sẽ không được giải quyết.**

Trong quá trình thực hiện hồ sơ, nếu sinh viên có thắc mắc gì liên hệ thầy Dũng, Ban Quản lý Đào tạo và Công tác Sinh viên để được hỗ trợ giải quyết./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Tổ KHTC (Đề phối hợp);
- Các GVCN (đề th/h);
- Website CSQN (đăng tin);
- Lưu VT CSQN, Ban QLĐT.

TS. Nguyễn Bình Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Học kỳ:..... năm học:.....

(Dùng cho học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập)

Kính gửi: Ban Giám hiệu Trường Đại học Ngoại thương

Tên em là: Ngày, tháng, năm sinh:

Mã sinh viên:

Lớp:..... Khóa:.....

Ngành:..... Chuyên ngành:.....

Nơi sinh: Dân tộc:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

.....

Điện thoại:.....

Số tài khoản (đúng tên SV nhận):.....

Chủ TK:.....

chi nhánh ngân hàng:.....

.....

Thuộc đối tượng: (ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số .../2021/NĐ-CP)

.....

.....

Đã được hưởng chế độ miễn giảm học phí (ghi rõ tên cơ sở đã được hưởng chế độ miễn giảm học phí, cấp học và trình độ đào tạo):.....

.....

Căn cứ vào Nghị định số/2021/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để được miễn, giảm học phí theo quy định hiện hành.

Quảng Ninh, Ngày.....tháng.....năm 20....

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Học kỳ:..... năm học:.....

(Dùng cho sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục đại học công lập)

Kính gửi: Trường Đại học Ngoại thương

Họ tên là: Dân tộc:

Ngày tháng năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Lớp:.....Ngành.....:

Chuyên ngành:.....Khóa:.....

Mã số sinh viên.....

Điện thoại:.....

Số tài khoản (đúng tên SV nhận):.....

Chủ TK:.....

chi nhánh ngân hàng:.....

Thuộc đối tượng.....

Căn cứ TTTT số **35/2014/TTTT-BGDĐT-BTC** ngày 15/10/2014 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số **66/2013-QĐ-TTg** ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ, em làm đơn này đề nghị được nhà trường xem xét để hỗ trợ chi phí học tập theo qui định.

Quảng Ninh, Ngày.....tháng.....năm 20....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Học kỳ:..... năm học:.....

(Dùng cho sinh viên có hộ khẩu thường trú tại Quảng Ninh)

Kính gửi: Ban Giám hiệu Trường Đại học Ngoại thương

Tên em là: Ngày, tháng, năm sinh:

Mã sinh viên:.....

Lớp:.....Khóa:.....

Ngành:.....Chuyên ngành:.....

Nơi sinh:Dân tộc:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

.....

Điện thoại:.....

Số tài khoản (đúng tên SV nhận):.....

Chủ TK:.....

chi nhánh ngân hàng:.....

.....

Thuộc đối tượng:.....

.....

Căn cứ vào Quyết định số 1999/QĐ-ĐHNT-KHTC ngày 3/9/2019 của Trường Đại học Ngoại thương về việc qui định mức thu học phí năm học 2020-2021, em làm đơn này đề nghị được nhà trường xem xét để được miễn, giảm học phí theo qui định.

Quảng Ninh, Ngày.....tháng.....năm 20....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CAM KẾT

Kính gửi: Ban Giám hiệu Trường Đại học Ngoại thương

Tên em là: Ngày, tháng, năm sinh:

Mã sinh viên:

Lớp: Khóa:

Ngành: Chuyên ngành:

Nơi sinh: Dân tộc:

Hộ khẩu thường trú:

.....

Điện thoại:

Nay em xin cam kết:

- Em chỉ đề nghị miễn giảm học phí duy nhất tại Trường Đại học Ngoại thương.
- Em không thuộc diện được hưởng chế độ diện miễn, giảm học phí tại cơ sở đào tạo nào khác.

Nếu vi phạm cam kết, e xin hoàn toàn chịu trách nhiệm theo qui định của pháp luật, bao gồm cả buộc thôi học và truy hoàn tất cả số tiền được miễn, giảm học phí.

Quảng Ninh, Ngày.....tháng.....năm 20....

Người cam kết
(Ký và ghi rõ họ tên)

Danh mục vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn
(Kèm theo TTLT số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH)

**CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH DANH MỤC
VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ-XÃ HỘI KHÓ KHĂN VÀ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**

1. Quyết định số 164/2006/QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010 (Chương trình 135 giai đoạn II);
2. Quyết định số 69/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn II và danh sách xã ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;
3. Quyết định số 01/2008/QĐ-UBDT ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;
4. Quyết định số 1105/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện Chương trình 135 giai đoạn II và danh sách xã hoàn thành mục tiêu, ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;
5. Quyết định số 325/QĐ-UBDT ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;
6. Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn và các Quyết định bổ sung khác của Thủ tướng Chính phủ.
7. Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015;
8. Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015;
9. Quyết định số 582/QĐ-UBDT ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi vào diện đầu tư của Chương trình 135;
10. Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 8/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.
11. Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn;
12. Các xã thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo và Quyết định số 1791/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung huyện Nậm Nhùn tỉnh Lai Châu; huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên vào danh mục các huyện nghèo được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày

27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo.

Các quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về danh sách các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn (nếu có)/.